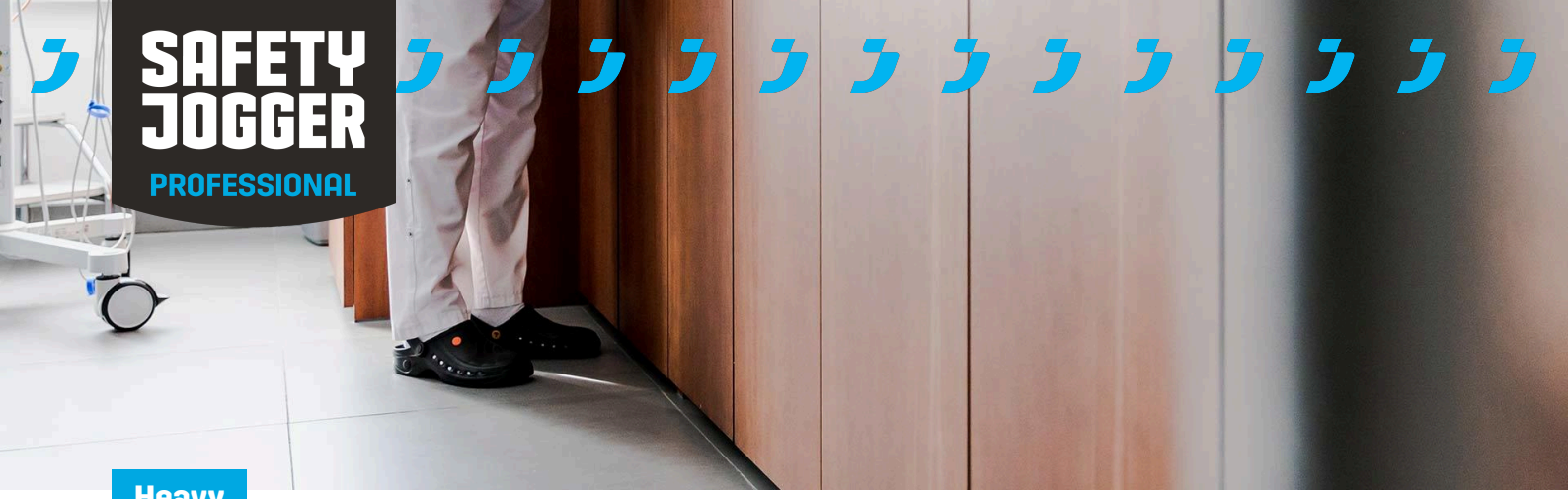


SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL

Heavy

SONIC OB

Guố c b ệ nh việ n cự c nh ệ

Guố a ch ng c i không thấm nư ớc h, v cản kh điệ n . Chú g h g c g th ể và có th ể khử trùng. Hoàn hảo cho ngành công ạc lế g và lâm s y t

Những vật liệu cao cấp hơn	EVA mở rộng
lót bên trong	SAU ĐÓ
trong Đ	SAU ĐÓ
ngoài Đ	EVA mở rộng
i Loạ	OB / SR, A, E, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-46 / UK 3.0-11.0 / US 3.0-12.0 JPN 21.5-30 / KOR 230-300
ng lượng thép	0.177 kg
ẩn hóa u chu	ASTM F2892:2018 EN ISO 20347:2022(Europe)





NAV



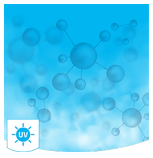
EBL EGN BLK WHT



FUX



Dung dịch chống thấm hợp vệ **sinh**
Giày này được làm bằng vật liệu không thấm nước, kháng kỳ nhẹ [illegible] các ứng dụng trong môi như ạch hoặc hướng dẫn bệnh nhân đi tắm.



Khử **trùng** bằng **hóa** chất **& tia** cực **tím**
Giày này có thể được khử trùng bằng hóa chất và tia cực tím.



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn [illegible] 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



iặt [illegible] ể g
Những đôi giày này có thể được [illegible] g

Công nghiệp **n:**
ạch , Làm s c v ề **y** h ọ c

ường: **Môi** t
r ơn **môi** khô, b ề mặt **không** bằn g phẳn ờn **g môi** ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn **nên** v ệ sinh giày thư ờn g **xuyên và** bảo v ệ **chúng** bằm phẳ **cách** hằn hiệ **Không** trên lờ s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **EVA** m ở r ộ n g **cao** cấp h ơn				
	Top: khả năng ư ấm ớ h ơ	? 0.8	N/A	iờ mg/cm/g
	Top: h nư ệ số ớ h ơ	? 15	N/A	mg/cm2
ót bên trong	**SAU ĐÓ**			
	L ớp lót: ư ấm ớ h ơ	? 2	N/A	iờ mg/cm/g
	lót: h nư ệ số ớ h ơ	? 20	N/A	mg/cm2
rong Đ	**SAU ĐÓ**			
ệ m chân	Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	N/A	chu kỳ
goài Đ	**EVA** m ở r ộ n g			
	Ch ố m ảng t ế ngoài (mài mòn)	? 150	108.8	mm
	Chư ố ợt c ớt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt g ót v ề phía t	? 0.31	0.38	ma sát
	r Cợt c ớt bảng - G ố m + NaLS - Trư ợt l ùi v ề phía t	? 0.36	0.37	ma sát
	r Cợt SR - G ế t m + Glycerin - Trư ợt g ót phía t	? 0.19	0.27	ma sát
	Chư ố ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt v ề phía t	? 0.22	0.23	ma sát
rị ch ố	Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	2.0	megaohm
rị ESD	Giá t	0.1 - 100	6.6	megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g chân củ	? 20	43	J

kích thước thép: 42

a chúng tôi không có Đ thay và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh Đ **thái:**

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả			
	V ật l iệu	0.87	kg
	Bao bì	0.10	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
			3.12 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t u ả	K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế			
	Product	0%	
	Bao bì	98%	

Tính toán CO2:
rị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán